

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
CHO KỲ TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN
SÔNG ĐÀ 3

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		629,747,968,954	649,063,345,451
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	7,813,992,400	1,272,465,687
1. Tiền	111		7,813,992,400	1,272,465,687
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		346,902,062,504	378,180,910,360
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	308,827,696,792	338,632,760,006
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	15,935,801,974	17,854,810,724
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	V.4	1,265,860,531	1,265,860,531
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	37,780,999,777	37,335,775,669
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(16,908,296,570)	(16,908,296,570)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		267,044,398,342	264,707,265,793
1. Hàng tồn kho	141	V.7	267,044,398,342	264,707,265,793
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7,987,515,708	4,902,703,611
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1,147,028,448	140,356,441
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6,214,397,637	4,136,257,547
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	626,089,623	626,089,623
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019
Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		298,124,154,496	302,978,275,282
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		29,701,208,634	32,479,785,363
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	29,377,408,630	32,135,747,860
- Nguyên giá	222		198,286,220,263	198,286,220,263
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(168,908,811,633)	(166,150,472,403)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	323,800,004	344,037,503
- Nguyên giá	228		404,750,000	404,750,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(80,949,996)	(60,712,497)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		68,207,128	68,207,128
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	68,207,128	68,207,128
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		264,203,280,000	265,203,280,000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.12	259,303,280,000	259,303,280,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.12	4,900,000,000	5,900,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4,151,458,734	5,227,002,791
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	4,151,458,734	5,227,002,791
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		927,872,123,450	952,041,620,733

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019
 Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		847,069,796,349	856,784,560,347
I. Nợ ngắn hạn	310		847,069,796,349	856,784,560,347
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	193,952,824,570	199,123,626,300
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	19,555,402,037	14,495,048,829
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	1,949,021,401	1,921,012,407
4. Phải trả người lao động	314	V.16	1,999,916,865	4,460,908,791
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	88,308,451,818	83,483,765,050
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	34,685,046,981	36,535,066,293
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	505,207,019,636	515,207,019,636
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	1,412,113,041	1,558,113,041
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019
Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		80,802,327,101	95,257,060,386
I. Vốn chủ sở hữu	410		80,802,327,101	95,257,060,386
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	159,993,560,000	159,993,560,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		159,993,560,000	159,993,560,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.21	100,029,499,600	100,029,499,600
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	23,233,250,510	23,233,250,510
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	(202,453,983,009)	(187,999,249,724)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(187,999,249,724)	(187,999,249,724)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(14,454,733,285)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		927,872,123,450	952,041,620,733

Gia Lai, ngày 24 tháng 4 năm 2019



Phạm Hồng Trung
Người lập



Nguyễn Văn Hình
Kế toán trưởng



Vũ Dũng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2,134,897,690	111,114,400,074
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2,134,897,690	111,114,400,074
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	3,178,444,401	104,921,806,252
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(1,043,546,711)	6,192,593,822
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	51,968,162	49,492,732,863
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	10,680,399,167	40,467,124,050
Trong đó: chi phí lãi vay	23		10,680,399,167	40,467,124,050
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	2,608,475,917	13,911,318,302
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(14,280,453,633)	1,306,884,333
11. Thu nhập khác	31	VI.7	-	100,000,000
12. Chi phí khác	32	VI.8	174,279,652	1,158,000,311
13. Lợi nhuận khác	40		(174,279,652)	(1,058,000,311)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(14,454,733,285)	248,884,022
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(14,454,733,285)	248,884,022
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9		
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9		

Gia Lai, ngày 24 tháng 4 năm 2019


Phạm Hồng Trung
Người lập

Nguyễn Văn Hình
Kế toán trưởngVũ Dũng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019


Đơn vị tính: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(14,449,733,285)	248,884,022
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, 10	2,778,576,729	11,771,931,396
- Các khoản dự phòng	03	V.6	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, 5	51,968,162	(49,492,709,204)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	10,680,399,167	40,467,124,050
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(1,040,998,359)	2,995,230,264
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		17,731,893,292	23,103,256,707
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(7,359,311,706)	33,182,234,856
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		5,573,652,909	(55,268,298,514)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		636,049,607	4,304,858,531
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(2,506,392,658)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	(64,000,000)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		15,541,285,743	5,705,889,186
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10	-	(84,750,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1,000,000,000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.4	240,970	7,349,204
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1,000,240,970	(77,400,796)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(10,000,000,000)	(5,223,868,057)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10,000,000,000)	(5,223,868,057)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		6,541,526,713	404,620,333
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1,272,465,687	867,845,354
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		7,813,992,400	1,272,465,687

Gia Lai, ngày 24 tháng 4 năm 2019


 Phạm Hồng Trung
 Người lập


 Nguyễn Văn Hình
 Kế toán trưởng




 Vũ Dũng
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sông Đà 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Xây dựng các công trình thủy điện, hạ tầng kỹ thuật ...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Thủy Điện Sông Đà 3 - Đak Lô có trụ sở chính tại Thôn Măng Đen – Xã Đăk Long – huyện Kon Plông – tỉnh Kon Tum. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 98,97%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Sông Đà 3.06	Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
Chi nhánh Sông Đà 3.02	Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
Chi nhánh Sông Đà 3.07	Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 3 tại Hà Nội	Số 18/165 Đường Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
Ban Điều hành thủy điện Pleikrong	Sa Bình, Huyện Sa Thầy, Tỉnh Kon Tum

Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 3 tại Hà Nội và Ban Điều hành thủy điện Pleikrong đã dừng hoạt động từ các năm trước.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng mà Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng mà Công ty thường xuyên có giao dịch.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các Năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính tổng hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính tổng hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các Năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ: khoản phải thu Ban điều hành thủy điện Pleikrong nhận bàn giao từ Tổng Công ty trước khi cổ phần hóa doanh nghiệp.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí sửa chữa lớn tàu kéo và chi phí khác. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí công cụ dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí vận chuyển, lắp đặt trạm nghiên

Chi phí vận chuyển, lắp đặt trạm nghiên được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa máy móc thiết bị

Chi phí sửa chữa máy móc thiết bị được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí khác

Chi phí khác bao gồm chi phí nhiên liệu, chi phí mua bảo hiểm, chi phí sửa chữa nhỏ phân bổ theo thời gian hữu dụng ước tính.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07
Tài sản cố định khác	03 - 07

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ có:

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt) để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng ghi nhận doanh thu được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp doanh thu đã được ghi nhận từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính tổng hợp và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

22. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính Công ty gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	5.914.454.186	968.843.371
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.899.538.214	303.622.316
Cộng	<u>7.813.992.400</u>	<u>1.272.465.687</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>231.685.269.373</i>	<i>254.210.030.693</i>
Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	7.002.632.956	7.002.632.956
Ban điều hành Dự án Thủy điện Đồng Nai 5	177.212.013.408	199.595.732.857
Ban điều hành Dự án Thủy điện Xê ca mản 1	37.819.086.185	37.819.086.185
Ban điều hành Dự án Thủy điện Bản Vẽ	2.986.947.598	2.986.947.598
Ban điều hành Dự án Thủy điện Sơn La	646.002.690	646.002.690
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà 3 – Đak Lô	-	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	1.314.302.285	1.314.302.285
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 4 (Thành phố Hà Nội)	1.172.754.294	1.313.796.165
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	1.599.044.445	1.599.044.445
Chi nhánh Sông Đà 6.03 - Công ty Cổ phần Sông Đà 6	279.058.654	279.058.654
Chi nhánh Sông Đà 9.01 - Công ty Cổ phần Sông Đà 9	807.452.894	807.452.894
Chi nhánh Sông Đà 9.03 - Công ty Cổ phần Sông Đà 9	496.196.964	496.196.964
Chi nhánh Sông Đà 9.08 - Công ty Cổ phần Sông Đà 9	349.777.000	349.777.000
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>77.142.427.419</i>	<i>84.422.729.313</i>
Các khách hàng khác	77.142.427.419	84.422.729.313
Cộng	<u>308.827.696.792</u>	<u>338.632.760.006</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>15.935.801.974</i>	<i>17.854.810.724</i>
Xi măng phụ gia Phước Hòa	3.903.317.507	3.903.317.507
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Dũng	3.300.000.000	3.300.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Đăng Sơn	0	2.000.000.000
DNTN Hoàng Trọng	1.300.000.000	1.300.000.000
Các khoản phải trả người bán khác	7.432.484.467	7.351.493.217
Cộng	<u>15.935.801.974</u>	<u>17.854.810.724</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**4. Phải thu nội bộ ngắn hạn**

Khoản phải thu Ban điều hành thủy điện Pleikrong nhận bàn giao từ Tổng Công ty trước khi cổ phần hóa doanh nghiệp.

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	2.399.645.946	-	2.399.645.946	-
Ban điều hành Dự án Thủy điện Đồng Nai 5	2.399.645.946	-	2.399.645.946	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	35.381.353.831	(4.437.170.126)	34.936.129.723	(4.437.170.126)
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại	10.050.000.000	-	10.050.000.000	-
Góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Sông Đà An Nhân	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
Các khoản ký cược, ký quỹ	128.875.000	-	128.875.000	-
Tạm ứng	11.264.869.490	(504.461.503)	11.034.150.009	(504.461.503)
Chi nhánh Sông Đà 505	1.104.358.182	-	1.104.358.182	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	9.833.251.159	(3.932.708.623)	9.618.746.532	(3.932.708.623)
Cộng	37.780.999.777	(4.437.170.126)	37.335.775.669	(4.437.170.126)

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>		1.599.044.445	-		1.599.044.445	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 6 - Phải thu tiền bán hàng	trên 3 năm	1.599.044.445	-	trên 3 năm	1.599.044.445	-
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		15.309.252.125	-		15.309.252.125	-
Phải thu tiền bán hàng	trên 3 năm	3.305.078.081	-	trên 3 năm	3.305.078.081	-
Các khoản phải thu khác	trên 3 năm	3.932.708.623	-	trên 3 năm	3.932.708.623	-
Tạm ứng	trên 3 năm	504.461.503	-	trên 3 năm	504.461.503	-
Trả trước người bán	trên 3 năm	7.567.003.918	-	trên 3 năm	7.567.003.918	-
Cộng		16.908.296.570	-		16.908.296.570	-

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	16.908.296.570	16.908.296.570
Trích dự phòng bổ sung	-	-
Số cuối năm	16.908.296.570	16.908.296.570

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	5.502.943.652	-	5.908.020.022	-
Công cụ, dụng cụ	831.974.443	-	848.074.443	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	260.623.221.155	-	257.865.788.476	-
Thành phẩm	86.259.092	-	85.382.852	-
Cộng	267.044.398.342	-	264.707.265.793	-

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	-	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.147.028.448	140.356.441
Cộng	1.147.028.448	140.356.441

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	2.078.764.342	2.644.867.152
Chi phí vận chuyển, lắp đặt, sửa chữa trạm nghiên	2.138.092.962	2.508.263.637
Các chi phí trả trước dài hạn khác	65.398.570	73.872.002
Cộng	4.151.458.734	5.227.002.791

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	4.611.148.000	143.967.088.191	47.779.051.982	1.378.659.363	550.272.727	198.286.220.263
Số cuối năm	4.611.148.000	143.967.088.191	47.779.051.982	1.378.659.363	550.272.727	198.286.220.263
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	-	67.430.667.143	39.396.238.956	129.000.000	550.272.727	107.506.178.826
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	1.849.827.506	116.561.777.348	46.115.137.559	1.073.457.263	550.272.727	166.150.472.403
Khấu hao trong năm	46.111.479	2.376.093.847	252.432.527	83.701.377	-	2.758.339.230
Số cuối năm	1.895.938.985	118.937.871.195	46.367.570.086	1.157.158.640	550.272.727	168.908.811.633
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	2.761.320.494	27.405.310.843	1.663.914.423	305.202.100	-	32.135.747.860
Số cuối năm	2.715.209.015	25.029.216.996	1.411.481.896	221.500.723	-	29.377.408.630
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là chương trình phần mềm máy tính.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	-	-	-
Mua trong năm	404.750.000	-	-
Khấu hao trong năm	-	80.949.996	-
Số cuối năm	404.750.000	80.949.996	323.800.004

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí xây dựng cơ bản dở dang – Ban quản lý dự án Nhà Ba Đình

12. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác, chi tiết như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	259.303.280.000	-	259.303.280.000	-
Công ty Cổ phần Thủy Điện Sông Đà 3 - Đak Lô ⁽ⁱ⁾	259.303.280.000	-	259.303.280.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4.900.000.000	-	5.900.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vân Phong	3.450.000.000	-	3.450.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thủy điện ĐăkPsi	-	-	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	950.000.000	-	950.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Sor 3	500.000.000	-	500.000.000	-
Cộng	264.203.280.000	-	265.203.280.000	-

⁽ⁱ⁾ Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900336410 thay đổi lần thứ 12 ngày 17 tháng 10 năm 2018 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum, Công ty đăng ký góp 259.303.280.000 VND, tương ứng 98,97% vốn điều lệ. Trong năm 2018, Công ty đã góp bổ sung làm tăng vốn điều lệ sở hữu từ 209.817.920.000 VND lên thành 259.303.280.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ đăng ký.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty con

Công ty Cổ phần Thủy Điện Sông Đà 3 - Đak Lô đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với Công ty Cổ phần Thủy Điện Sông Đà 3 - Đak Lô như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ tức Công ty được nhận	-	49.485.360.000
Công ty góp vốn điều lệ từ bù trừ nợ phải thu	-	49.485.360.000
Doanh thu xây lắp Công ty cung cấp	-	28.751.031.726
Doanh thu bán vật tư	39.646.792	10.927.180
Doanh thu cho thuê xe, máy móc thiết bị	-	1.206.000.000
Công ty bán tài sản cố định	-	-
13. Phải trả người bán ngắn hạn		
13a. Phải trả người bán ngắn hạn		
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	24.751.521.700	24.750.070.636
Ban điều hành Dự án Thủy điện Đồng Nai 5	1.451.064	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà 3 - Đak Lô	-	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà - Trung tâm Thí nghiệm Xây dựng Sông Đà	1.058.429.700	1.058.429.700
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 2 - Xi nghiệp Sông Đà 2.08	3.779.933.763	3.779.933.763
Chi nhánh Sông Đà 6.02 - Công ty Cổ phần Sông Đà 6	3.761.016.957	3.761.016.957
Chi nhánh Sông Đà 6.05 - Công ty Cổ phần Sông Đà 6	32.898.197	32.898.197
Chi nhánh Sông Đà 9.01 - Công ty Cổ phần Sông Đà 9	15.460.424.055	15.460.424.055
Xí nghiệp Sông Đà 10.5 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 10	655.142.803	655.142.803
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	2.225.161	2.225.161
Các khoản phải trả người bán khác	169.201.302.870	174.373.555.664
Cộng	<u>169.201.302.870</u>	<u>174.373.555.664</u>
	<u>193.952.824.570</u>	<u>199.123.626.300</u>
13b. Nợ quá hạn chưa thanh toán		
<i>Nợ quá hạn chưa thanh toán cho các bên liên quan</i>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 2 - Xi nghiệp Sông Đà 2.08	19.911.707.173	19.911.707.173
Chi nhánh Sông Đà 6.02 - Công ty Cổ phần Sông Đà 6	3.761.016.957	3.761.016.957
Chi nhánh Sông Đà 6.05 - Công ty Cổ phần Sông Đà 6	32.898.197	32.898.197
Chi nhánh Sông Đà 9.01 - Công ty Cổ phần Sông Đà 9	15.460.424.055	15.460.424.055
Xí nghiệp Sông Đà 10.5 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 10	655.142.803	655.142.803
<i>Nợ quá hạn chưa thanh toán cho các tổ chức và cá nhân khác</i>	2.225.161	2.225.161
	<u>151.114.615.277</u>	<u>151.114.615.277</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm			
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	<u>151.114.615.277</u>		<u>151.114.615.277</u>			
Cộng	<u>171.026.322.450</u>		<u>171.026.322.450</u>			
14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn						
	Số cuối năm		Số đầu năm			
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<u>17.307.104.878</u>		<u>13.353.926.669</u>			
Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	-		-			
Công ty Cổ phần thủy điện Sông Đà 3 – Đak Lô	17.222.104.878		13.268.926.669			
Xí nghiệp Sông Đà 2.08 - Công ty Cổ phần Sông Đà 2	85.000.000		85.000.000			
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<u>2.248.297.159</u>		<u>1.141.122.160</u>			
Công ty Cổ phần Thủy điện Minh Tân	377.861.000		377.861.000			
Các khách hàng khác	1.870.436.159		763.261.160			
Cộng	<u>19.555.402.037</u>		<u>14.495.048.829</u>			
15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước						
	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	626.089.623	1.483.719.449	1.483.719.449	-	626.089.623
Thuế thu nhập doanh nghiệp	99.900	-	-	-	99.900	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.757.212.327	-	28.008.994	-	1.785.221.321	-
Tiền sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	-	-	-	-
Thuế môn bài	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	163.700.180	-	7.000.000	7.000.000	163.700.180	-
Cộng	<u>1.921.012.407</u>	<u>626.089.623</u>	<u>1.518.728.443</u>	<u>1.490.719.449</u>	<u>1.949.021.401</u>	<u>626.089.623</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>(14.449.733.285)</u>	<u>248.884.022</u>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	1.158.000.311
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	<u>-</u>	<u>1.406.884.333</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập được miễn thuế	-	(49.485.360.000)
Thu nhập tính thuế	(14.449.733.285)	(48.078.475.667)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả người lao động.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn**Phải trả các tổ chức và cá nhân khác**Chi phí lãi vay phải trả ⁽ⁱ⁾

Chi phí trích trước phải trả nhà thầu phụ về chi phí xây dựng

Các khoản chi phí trích trước khác

Cộng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả ⁽ⁱ⁾	88.308.451.818	83.483.765.050
Chi phí trích trước phải trả nhà thầu phụ về chi phí xây dựng	74.865.129.345	64.184.730.178
Các khoản chi phí trích trước khác	11.504.876.170	17.360.588.569
Cộng	1.938.446.303	1.938.446.303
	88.308.451.818	83.483.765.050

⁽ⁱ⁾ Lãi vay được xác định theo lãi suất tiền vay trong hạn, chưa dự phòng lãi vay quá hạn phải trả. Công ty đang đàm phán với các Ngân hàng thương mại để được giảm lãi vay trong hạn và không tính lãi vay quá hạn nên không dự phòng lãi vay quá hạn phải trả.

18. Phải trả ngắn hạn khác**18a. Phải trả ngắn hạn khác****Phải trả các bên liên quan**

Tổng Công ty Sông Đà - CTCP

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà 3 - Đak Lô

Phải trả các tổ chức và cá nhân khác

Kinh phí công đoàn

Bảo hiểm xã hội

Bảo hiểm y tế

Bảo hiểm thất nghiệp

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	100.437.530	100.437.530
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà 3 - Đak Lô	-	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	100.437.530	100.437.530
Kinh phí công đoàn	34.584.609.451	36.434.628.763
Bảo hiểm xã hội	967.685.256	1.011.404.264
Bảo hiểm y tế	2.713.388.252	2.310.108.389
Bảo hiểm thất nghiệp	2.194.579.898	2.121.989.523
	1.224.877.670	1.212.615.281

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ tức phải trả	8.131.876.402	8.131.876.402
Lãi chậm nộp Bảo hiểm xã hội	4.228.480.459	5.054.200.807
Tạm nhập vật tư, phụ tùng	5.147.272.693	5.196.251.348
Phải trả các đội về lương	6.352.592.365	7.772.743.179
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.623.856.456	3.623.439.570
Cộng	<u>34.685.046.981</u>	<u>36.535.066.293</u>

18b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Nợ quá hạn chưa thanh toán cho các tổ chức và cá nhân khác</i>	20.682.908.171	22.928.779.333
Cổ tức phải trả	8.131.876.402	8.131.876.402
Lãi chậm nộp Bảo hiểm xã hội	4.228.480.459	5.054.200.807
Tạm nhập vật tư, phụ tùng	1.938.253.870	1.938.253.870
Phải trả các đội về lương	6.352.592.365	7.772.743.179
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	31.705.075	31.705.075
Cộng	<u>20.682.908.171</u>	<u>22.928.779.333</u>

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**19a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	505.207.019.636	2.600.000.000	515.207.019.636	2.600.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng	487.028.942.908	-	497.028.942.908	-
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai ⁽ⁱ⁾</i>	487.028.942.908	-	497.028.942.908	-
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum</i>	-	-	-	-
Vay ngắn hạn tổ chức khác	2.600.000.000	2.600.000.000	2.600.000.000	2.600.000.000
<i>Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Hà Linh ⁽ⁱⁱ⁾</i>	2.600.000.000	2.600.000.000	2.600.000.000	2.600.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả ⁽ⁱⁱⁱ⁾	15.578.076.728	-	15.578.076.728	-
Cộng	<u>505.207.019.636</u>	<u>2.600.000.000</u>	<u>515.207.019.636</u>	<u>2.600.000.000</u>

(i) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/369556/HĐTDHM năm 2017 thay thế hợp đồng số 05/MHĐCTD ngày 11/5/2016. Hạn mức tín dụng là 600.000.000.000 VND gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi, trong đó hạn mức vay vốn ngắn hạn là 500.000.000.000 VND. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ khi ký hợp đồng. Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Biện pháp đảm bảo tiền vay là: thế chấp, cầm cố tài sản của bên vay; bảo lãnh của bên thứ ba; toàn bộ số dư tài khoản tiền bằng VND hoặc ngoại tệ của bên vay tại ngân hàng và tại các tổ chức tín dụng khác; tín chấp.

(ii) Khoản vay Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Hà Linh theo hợp đồng vay vốn số 01/HĐVV-CT-SĐ3 ngày 16/3/2017. Số tiền vay là 2.600.000.000 VND. Mục đích vay là để giải

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

quyết vấn đề tiền lương, tiền ăn cho công nhân đang thi công trên các công trường do Công ty đang gặp khó khăn về tiền vốn lưu động. Thời hạn cho vay theo thỏa thuận 02 bên, Công ty cam kết trả lại khoản vay cho Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Hà Linh trong thời gian sớm nhất có thể sau khi giải quyết được vấn đề khó khăn về vốn lưu động. Lãi suất cho vay là 0%.

- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng số 01/2013/369556/HĐTD ngày 04/12/2013. Số tiền vay là 27.440.000.000 VND. Mục đích vay là đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị xe máy năm 2011. Thời hạn vay là 48 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Lãi suất trong hạn được điều chỉnh theo quy định của BIDV trong từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn là 120% lãi suất trong hạn. Hình thức bảo đảm tiền vay là thế chấp tài sản được hình thành trong tương lai theo Hợp đồng thế chấp tài sản được hình thành trong tương lai phù hợp với quy định của BIDV, việc thế chấp, cầm cố hay hình thức bảo đảm khác được lập thành hợp đồng riêng. Số gốc vay còn phải trả tại 31/12/2018 là 4.839.076.728 VND.
 - Hợp đồng số 01/2014/369556/HĐTD ngày 27/6/2014. Số tiền vay là 39.500.000.000 VND. Mục đích vay là đầu tư dự án nâng cao năng lực xe máy thiết bị năm 2014. Thời gian vay là 48 tháng, kể từ ngày 27/6/2014 đến ngày 27/6/2018. Thời hạn rút vốn là 365 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực. Lãi suất trong hạn được điều chỉnh theo quy định của BIDV trong từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn là 120% lãi suất trong hạn. Hình thức bảo đảm tiền vay là thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay không phân biệt nguồn vốn đầu tư dự án "Đầu tư dự án nâng cao năng lực xe máy thiết bị năm 2014". Số gốc vay còn phải trả tại 31/12/2018 là 10.739.000.000 VND.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	497.028.942.908	-	(10.000.000.000)	487.028.942.908
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	2.600.000.000	-	-	2.600.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	15.578.076.728	-	-	15.578.076.728
Cộng	515.207.019.636	-	(10.000.000.000)	505.207.019.636

19b. Vay quá hạn chưa thanh toán

<i>Các đơn vị và cá nhân khác</i>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngân hàng	580.072.148.981	579.391.749.814
Gốc	577.472.148.981	576.791.749.814
Lãi	502.607.019.636	512.607.019.636
Vay tổ chức khác	74.865.129.345	64.184.730.178
Gốc	2.600.000.000	2.600.000.000
Lãi	2.600.000.000	2.600.000.000
Cộng	580.072.148.981	579.391.749.814

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.558.113.041	1.599.113.041

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	-	-
Chi quỹ	(146.000.000)	(41.000.000)
Số cuối năm	1.412.113.041	1.558.113.041
21. Vốn chủ sở hữu		
21a. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	81.596.715.600	81.596.715.600
Các cổ đông khác	78.396.844.400	78.396.844.400
Cộng	159.993.560.000	159.993.560.000
21b. Cổ phiếu		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.999.356	15.999.356
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	15.999.356	15.999.356
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.999.356	15.999.356

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hợp đồng xây dựng và phục vụ xây lắp	2.134.897.690	86.325.115.844
Doanh thu khác	-	24.789.284.230
Cộng	2.134.897.690	111.114.400.074

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ công ty con được trình bày tại thuyết minh số V.11, Công ty còn phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ban điều hành Dự án Thủy điện Đồng Nai 5		
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	16.014.542.734
Ban điều hành Dự án Thủy điện Xê ca mản 1		
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	568.136.034
Ban điều hành Dự án Thủy điện Sơn La		
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	15.537.410.128
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 4 (Thành		

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>phố Hà Nội)</i>		
Doanh thu cung cấp vật tư, vữa bê tông	-	-
Doanh thu cho thuê xe, máy móc thiết bị	43.716.129	806.354.839
<i>Chi nhánh Sông Đà 6.03 - Công ty Cổ phần Sông Đà 6</i>		
Doanh thu cung cấp vật tư, vữa bê tông		525.086.159
<i>Chi nhánh Sông Đà 9.01 - Công ty Cổ phần Sông Đà 9</i>		
Doanh thu cung cấp vật tư, vữa bê tông		403.363.636
<i>Chi nhánh Sông Đà 9.03 - Công ty Cổ phần Sông Đà 9</i>		
Doanh thu hợp đồng xây dựng và phục vụ xây lắp		766.815.540
Doanh thu cho thuê xe, máy móc thiết bị		426.064.090
<i>Chi nhánh Sông Đà 9.08 - Công ty Cổ phần Sông Đà 9</i>		
Doanh thu cung cấp vật tư, vữa bê tông		317.979.091
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
Các khoản giảm trừ doanh thu hợp đồng xây dựng phát sinh trong năm trước.		
3. Giá vốn hàng bán		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hợp đồng xây dựng và phục vụ xây lắp	3.178.444.401	91.514.396.979
Giá vốn khác	-	13.407.409.273
Cộng	<u>3.178.444.401</u>	<u>104.921.806.252</u>
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	51.968.162	7.349.204
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	49.485.360.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	23.659
Cộng	<u>51.968.162</u>	<u>49.492.732.863</u>
5. Chi phí tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	10.680.399.167	40.467.124.050
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	-
Cộng	<u>10.680.399.167</u>	<u>40.467.124.050</u>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.602.986.114	8.708.988.638

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí vật liệu, bao bì	118.548.892	1.012.419.801
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	71.488.390	429.835.925
Chi phí khấu hao tài sản cố định	244.986.452	1.037.067.092
Thuế, phí và lệ phí	18.419.538	54.313.507
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	342.425.075	2.066.245.235
Các chi phí khác	209.621.456	602.448.104
Cộng	<u>2.608.475.917</u>	<u>13.911.318.302</u>
7. Thu nhập khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	-
Thu nhập khác	-	100.000.000
Cộng	<u>-</u>	<u>100.000.000</u>
8. Chi phí khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	-
Các khoản bị phạt, bị truy thu	-	1.138.262.902
Chi phí khác	174.279.652	19.737.409
Cộng	<u>174.279.652</u>	<u>1.158.000.311</u>
9. Lãi trên cổ phiếu		
Lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.		

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty Sông Đà – CTCP (sau đây gọi tắt là Tổng Công ty)	Công ty mẹ, sở hữu 51% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà 3 - Đak Lô	Công ty con, Công ty sở hữu 98,97% vốn điều lệ
Ban điều hành Dự án Thủy điện Huội Quảng	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty
Văn phòng Đại diện Tổng Công ty - Ban điều hành Dự án Thủy điện Lai Châu	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty
Ban điều hành Dự án Thủy điện Sơn La	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty
Ban điều hành Dự án Thủy điện Xê ca mản 1	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty
Ban điều hành Dự án Thủy điện Đồng Nai 5	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty
Ban điều hành Dự án Thủy điện Bản Vẽ	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty
Ban điều hành Dự án Thủy điện Hủa Na	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty
Ban điều hành Dự án Thủy điện Xê ca mản 3	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty
Ban điều hành gói thầu số 4	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Sông Đà	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty TNHH Một thành viên Hạ tầng Sông Đà	Công ty con của Tổng Công ty

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.12 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Sông Đà - CTCP		
Mua sắm Tài sản cố định	-	-
Chi phí tiền điện, tiền thuê nhà và phí bảo lãnh	1.451.064	524.409.109
Bù trừ công nợ	-	5.523.893.785
Ban điều hành dự án thủy điện Xê ca mản 1		
Chi phí trích nộp ban điều hành, phí bảo lãnh hợp	-	181.568.329

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
đồng		
Chi phí thi công công trình	-	1.423.562.720
Chi phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	-	26.458.053
Bù trừ công nợ	-	5.497.435.732
Thu tiền thanh toán khối lượng thi công	-	5.523.893.785
<i>Ban điều hành dự án thủy điện Đồng Nai 5</i>		
Chuyển tiền vốn lưu động		200.000.000
Giá trị trích nộp, tiền phụ phí công trình		730.346.921
Bù trừ công nợ	1.483.719.449	4.991.864.335
Thu tiền thanh toán khối lượng thi công	20.900.000.000	7.890.000.000
Chi lương và các chi phí dịch vụ mua ngoài	-	-
Phải thu phụ phí công trình	-	-
<i>Ban điều hành dự án thủy điện Sơn La</i>		
Bù trừ công nợ	-	8.725.138.730
Thu tiền thanh toán khối lượng thi công	-	7.831.360.721
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 4</i>		
Chi phí mua vật tư, ca máy, sửa chữa thiết bị	-	6.494.800
Bù trừ công nợ	-	-
<i>Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 4 (Thành phố Hà Nội)</i>		
Bù trừ công nợ	-	7.144.280
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 6</i>		
Chi phí mua vật tư, ca máy	-	586.093.630
<i>Chi nhánh Sông Đà 6.03 - Công ty Cổ phần Sông Đà 6</i>		
Mua vật tư	-	586.093.630
Bù trừ công nợ	-	246.027.505
<i>Chi nhánh Sông Đà 9.01 - Công ty Cổ phần Sông Đà 9</i>		
Chi phí mua vật tư	-	-
Thu tiền cung cấp vật tư	-	80.000.000
Bù trừ công nợ	-	-
<i>Chi nhánh Sông Đà 9.03 - Công ty Cổ phần Sông Đà 9</i>		
Chi phí bảo hộ lao động	-	24.420.000
Thu tiền cung cấp vật tư	-	789.108.629
Bù trừ công nợ	-	326.862.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến</i>		
Phải trả tiền tạm ứng thi công	-	10.195.138.730
Thanh toán tiền	-	2.000.000.000
Bù trừ công nợ	-	8.195.138.730

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.2, V.5, V.13a và V.18a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là xây dựng các công trình thủy điện, hạ tầng kỹ thuật ... và trong khu vực địa lý chính là lãnh thổ Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

3d. *Tài sản đảm bảo*

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn thế chấp quyền thu nợ từ các khoản phải thu có giá trị là 41.098.000.000 VND.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

4. **Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.813.992.400	-	1.272.465.687	-
Phải thu khách hàng	308.827.696.792	(4.904.122.526)	338.632.760.006	(4.904.122.526)
Các khoản phải thu khác	37.780.999.777	(4.437.170.126)	37.335.775.669	(4.437.170.126)
Cộng	354.422.688.969	(9.341.292.652)	377.241.001.362	(9.341.292.652)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người bán	193.952.824.570	199.123.626.300
Vay và nợ	580.072.148.981	579.391.749.814
Các khoản phải trả khác	34.685.046.981	36.535.066.293
Cộng	<u>808.710.020532</u>	<u>815.050.442.407</u>

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 217.321.827.395 VND. Yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, Tổng Công ty Sông Đà – CTCP và các công ty khác trong cùng tập đoàn cam kết sẽ tiếp tục cung cấp nguyên vật, không yêu cầu Công ty hoàn trả tiền nợ cho đến khi Công ty có khả năng trả nợ. Công ty cũng đang tích cực thỏa thuận với Ngân hàng thương mại để khoan nợ, xóa lãi quá hạn và giảm lãi trong hạn. Ngoài ra, từ cuối năm 2018, Công ty bắt đầu triển khai dự án Thủy điện Ngọc Tem. Công ty đánh giá với dự án mới này, Công ty sẽ cải thiện được tình hình tài chính do thành công từ dự án như Công ty đã từng đạt được với dự án Thủy điện Đak Lô. Do vậy Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

6. Thông tin khác

Theo Biên bản của Kiểm toán Nhà Nước chuyên ngành V ngày 15/8/2016 về hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư dự án Xây dựng công trình thủy điện Đồng Nai 5, một phần doanh thu Công ty đã ghi nhận trong các năm trước đối với dự án Thủy điện Đồng Nai 5 chưa đủ điều kiện thanh, quyết toán với số tiền khoảng 41 tỷ đồng. Tại thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty và chủ đầu tư vẫn đang tích cực khắc phục các thiếu sót theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà Nước để đủ điều kiện thanh, quyết toán các khoản chi phí nêu trên.

Gia Lai, ngày 24 tháng 4 năm 2019



Phạm Hồng Trung
Người lập biểu



Nguyễn Văn Hình
Kế toán trưởng



Vũ Dũng
Tổng Giám đốc